

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2023/HNGĐ – ST**
Ngày: 27/3/2023
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị T, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Hà Hữu Ch, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Thôn 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đồng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Hữu Ch tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 97/2018, ký ngày 20/11/2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có chung quan điểm. Anh Hà Hữu Ch không chăm lo làm ăn, thường xuyên bài bạc, ăn chơi dẫn đến nợ nần. Trong cuộc sống vợ chồng anh Hà Hữu Ch không có trách nhiệm của người chồng, người cha. Đến khoảng tháng 7 năm 2022, thì anh Hà Hữu Ch bỏ nhà đi cho đến nay. Chị nhiều lần liên lạc, tìm kiếm anh Hà Hữu Ch để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nay, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Hà Hữu Ch nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hà Hữu Ch.

Về con chung: Chị và anh Hà Hữu Ch có 01 con chung tên là Hà Anh V, sinh ngày 10/5/2019. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

Về cấp dưỡng: Yêu cầu anh Hà Hữu Ch cấp dưỡng nuôi cháu Hà Anh V là 2.500.000đ/ 1 tháng. Tại phiên tòa, chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đồng Thị T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Hà Anh V, sinh ngày 10/5/2019 cho chị Đồng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Đồng Thị T

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Hữu Ch (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Hà Hữu Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T khai nhận chị và anh Hà Hữu Ch có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2018, ký ngày 20/11/2018. Lời khai của chị Đồng Thị T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 05). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đồng Thị T và anh Hà Hữu Ch là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Đồng Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đồng Thị T khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Hà Hữu Ch bài bạc, nợ nần và thường xuyên vắng nhà. Thời gian gần đây nhất là từ năm 2022 cho đến nay anh Hà Hữu Ch bỏ nhà đi, thiếu trách nhiệm làm chồng, làm cha, bỏ bê việc làm ăn phát triển kinh tế để chăm lo cho gia đình. Sự việc trên lặp đi lặp lại nhiều lần khiến chị Đồng Thị T nhận thấy cuộc sống hôn nhân áp lực, mệt mỏi, không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Tại biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ lập ngày 22/12/2022, Công an xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước xác nhận: *“Hiện nay, anh Hà Hữu Ch đã đi khỏi địa phương....”*. Biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ lập ngày 22/12/2022, Công an xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước phù hợp với lời khai của chị Đồng Thị T. Như vậy, anh Hà Hữu Ch đã không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người chồng làm cho

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Đồng Thị T đối với anh Hà Hữu Ch.

[4] Về con chung: Chị Đồng Thị T khai nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Hà Anh V, sinh ngày 10/5/2019. Lời khai của chị Đồng Thị T phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Đồng Thị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Xét, chị Đồng Thị T có nơi ở, công việc, có nguồn thu nhập ổn định và các điều kiện khác đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Thời gian vừa qua, chị Đồng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Hà Anh V, đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho cháu Hà Anh V. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Hà Anh V, sinh ngày 10/5/2019 cho chị Đồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Đồng Thị T rút yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Đồng Thị T về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Bị đơn anh Hà Hữu Ch đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, được xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[8] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Đồng Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị T. Chị Đồng Thị T được ly hôn với anh Hà Hữu Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Anh V, sinh ngày: 10/5/2019 cho chị Đồng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Đồng Thị T về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác

4. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Đồng Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000717 ký ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lý.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

- Lưu hồ sơ vụ án.